TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Dung
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; Sinh năm: 1982
HKTT: Thôn N, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038182004428
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T; Sinh năm: 1981
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038081026914
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2025 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/02/2010. Sau khi kết hôn, hòa thuận được 08 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân đã 3 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2009, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt nên không có ý kiến của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Giao cháu Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/02/2010 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì

mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên hay sảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã Ng xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Bùi Minh T đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa), theo biên lai số BLTU/24/0003882 ngày 23/05/2025. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Ngọc Trạo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc